TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 169 /2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 22 /6/2017
V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Hồ Xuân Dũng
2- Bà Nguyễn Thị Thảo
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hào - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017, về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*"*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973(Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đường T, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(Anh H và chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 31/5/2017 và các văn bản tố tụng khác, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H tổ chức cưới hỏi vào cuối năm 1993, trước khi cưới, có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, không có giấy đăng ký kết hôn. Thời điểm trên anh, chị mới làm tờ khai đăng ký kết hôn nên có sự nhầm tưởng đó là Giấy kết hôn nên anh mới có Đơn đề nghị chính quyền địa phương xác nhận, hiện nay tờ khai trên cũng bị thất lạc. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình anh, thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bình thường, mãi năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, luôn có lời qua tiếng lại vì những chuyện vặt trong cuộc sống hàng

ngày. Ngoài ra vợ ham chơi số đề, không quan tâm đến gia đình, nhiều lần vợ tự ý bỏ nhà đi, gia đình hai bên có hòa giải nhưng vợ vẫn tính nào tật nấy, không ai nhường nhịn ai, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Anh và chị H cũng thường đi làm ở xa, thỉnh thoảng về vẫn ở chung một nhà, nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay anh không còn tình cảm với chị H nữa, yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị H có 03 người con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 15/9/1994; Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 21/8/1997 và Nguyễn Huy H3, sinh ngày 29/3/2006, 02 người con H1 và H2 đã trưởng thành, tự lao động được còn cháu H3 hiện đang ở với anh. Ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H3, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2017 và các văn bản tố tụng khác, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị thống nhất như lời trình bày của anh H về thời gian sống chung, điều kiện kết hôn và con chung, nhưng về giấy kết hôn, trước đây chị không nhớ cụ thể nên trình bày có giấy kết hôn mà bị thất lạc, nhưng sau phiên hòa giải và phiên họp công khai chứng cứ, về nhà tìm kiếm giấy tờ và suy nghĩ lại, nay chị xác định chưa làm giấy kết hôn là đúng với thực tế và phù hợp với xác nhận của UBND phường Đ và ý kiến của anh H. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường kình cãi. Ngoài ra, anh H ngoại tình với người phụ nữ khác về nhà vô kế gây chuyện với vợ con. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không hàn gắn được, có lần quá buồn bực nên chị bỏ về phía cha mẹ ở. Từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Hiện chị không còn tình cảm với anh H, yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có 03 người con chung như anh H trình bày, các con H1 và H2 đã trưởng thành tự lao động được, còn cháu H3 đang ở với anh H. Ly hôn chị đồng ý giao cháu H3 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng, chị sẽ tự chi phí trực tiếp cho cháu H3.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành của các đương sự đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: 03 người con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 15/9/1994; Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 21/8/1997 và Nguyễn Huy H3, sinh ngày 29/3/2006. Hai người con H1 và H2 đã trưởng thành tự lao động miễn xét, giao cháu H3 cho anh H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì anh H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh H và chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Đề nghị áp dụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]*Về mặt tố tụng: Quan hệ pháp luật mà anh H yêu cầu Tòa giải quyết là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H và bị đơn chị Nguyễn Thị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên theo khoản 1 Điều 228, 238 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị H.

[2] Về mặt nội dung:

*[2.1]*Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ cuối năm 1993, mặc dù anh chị có đủ điều kiện để kết hôn nhưng do không am hiểu pháp luật, không tiến hành làm đầy đủ thủ tục, theo anh chị trình bày thì mới làm tờ khai đăng ký kết hôn. Việc đăng ký mà pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định*…." đã không được anh chị tuân thủ, chấp hành. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình quy định "*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng, mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"*. Trong quá trình sống chung lại phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Hiện anh H và chị H không còn tình cảm với nhau, anh chị đều yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu của anh H là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn Hòa và chị Nguyễn Thị H là quan hệ vợ chồng.

*[2.2]*Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 15/9/1994; Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 21/8/1997 đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, đã lao động có thu nhập nên miễn xét, còn về cháu Nguyễn Huy H3, sinh ngày 29/3/2006, hiện đang ở với anh H, vợ chồng đều thống nhất giao cháu H3 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu H3. Căn cứ vào Điều 15 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì anh H không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội thì anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng).

[3] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.
- Áp dụng các Điều 9, 14,15, 81,82,83, 84 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình;

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H là quan hệ vợ chồng.

2.Về con chung: Có 03 người con chung Nguyễn Văn H1, sinh ngày 15/9/1994; Nguyễn Thị Thúy H2, sinh ngày 21/8/1997, H1 và H2 đã trưởng thành. Giao người con tên Nguyễn Huy H3, sinh ngày 29/3/2006 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H do anh H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình và người có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa sẽ giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về tranh chấp cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

4.Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002731 ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

5/ Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên cấp xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã A;
- UBND phường Đ;
-Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kiều Oanh